

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN LẠC
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày 02/7/2024.

V/v tranh chấp Ly hôn giữa
chị Bùi Thị Ngân và anh Bùi Văn
Thái.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Yên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Thụ
2. Bà Bùi Thị Thiết

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhận - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị N**, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Xóm M, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình - Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Xóm C, xã M, huyện T, tỉnh Hòa Bình - Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình ngày 13/10/2020, sau khi kết hôn anh T về ở rể bên nhà chị N. Cuộc sống chung sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do anh T ham chơi không lao động chăm lo cho cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên lục đục, cãi vã nhau. Anh T thường xuyên sử dụng bạo lực đánh đập chị, lần gần nhất là năm 2023 anh T đánh đập chị và chị đã trình báo Công an xã đến giải quyết, hiện nay anh T bỏ nhà đi làm ăn ở đâu không rõ thỉnh thoảng mới về nhà nhưng không lo chu cấp cho tôi nuôi con

mà bỏ mặc mẹ con chị. Nay chị Bùi Thị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn T. Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Bùi Trà M, sinh ngày 21/11/2020, hiện nay con còn nhỏ và sống với chị N và ông bà ngoại tại xã P, huyện T. Khi ly hôn chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung do từ nhỏ con do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Do anh T sống thiếu trách nhiệm với con nên chị N chưa yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, chị Bùi Thị N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có.

Về phía anh Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ nơi cư trú của anh T thể hiện anh T có địa chỉ rõ ràng đang ở với bố mẹ đẻ tại xóm C, xã M, huyện T, anh T có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ chị N đã cung cấp nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú do đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà, không có chỗ ở ổn định nên không lấy được ý kiến của anh Bùi Văn T. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, đã được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ nơi cư trú của anh T, do vậy Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T có mâu thuẫn trầm trọng do anh T không chịu khó làm ăn chăm lo cho cuộc sống gia đình, không có trách nhiệm với vợ con. Chị N đã cho anh T cơ hội sửa lỗi để hàn gắn tình cảm nhưng anh T không thay đổi, cả hai đã sống ly thân và bỏ mặc nhau gần hai năm, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho ly hôn. Về việc nuôi con chung, chị N đã trực tiếp nuôi con từ khi con sinh ra, hiện nay đang ở với ông bà ngoại và phát triển tốt, cần xem xét nguyện vọng của nguyên đơn và điều kiện sống của con, trong quá trình giải quyết vụ án anh T vắng mặt không thể hiện ý chí của mình nên cần giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu Bùi Trà M. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N chưa yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản do chị N khai không có và không yêu cầu giải quyết, nợ chung của vợ chồng không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Bùi Văn T không có mặt tại Tòa án mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh T đúng như địa chỉ mà nguyên đơn đã cung cấp. Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự cho anh T. Do bị đơn là anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Hơn nữa chị N là nguyên

đơn trong vụ án cũng có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa và tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa có ấn định thời gian mở phiên tòa ngày 02/7/2024 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm những quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa chị N và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa chị N và anh T có xảy ra bất đồng quan điểm sống từ việc anh T ham chơi không lao động để chăm lo cho cuộc sống của hai mẹ con chị, anh T đã bỏ mặc không quan tâm chăm sóc mẹ con chị N đi làm ăn ở đâu chị N không biết. Việc không quan tâm chăm sóc nhau đã được Tòa án xác minh thể hiện vợ chồng chị N và anh T đã sống ly thân nhau, anh T đi làm xa nhà thỉnh thoảng mới về nhưng không quan tâm đến cuộc sống của mẹ con chị N. Như vậy chị N và anh T đã không còn thương yêu, không còn chung sống cùng nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị N là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Xác nhận chị N và anh T có 01 con chung là Bùi Trà M, sinh ngày 21/11/2020. Khi ly hôn chị N đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành. Xét điều kiện nuôi con thấy rằng: Phía chị N từ khi sinh con và nuôi dưỡng con chung còn anh T đã bỏ mặc mẹ con chị N, không quan tâm chăm sóc con chung, không đến Tòa án để trình bày về nguyện vọng về việc ly hôn cũng như nuôi con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của chị N và cháu Bùi Trà M, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận giao cháu Bùi Trà M sinh năm 2020 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị N chưa yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là ý kiến tự nguyện của chị N nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung:* Chị Bùi Thị N khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và việc anh Bùi Văn T vắng mặt nên Tòa án không lấy được ý kiến của anh T do đó không có cơ sở xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp về tài sản chung và có yêu cầu thì sẽ được xem xét bằng vụ việc khác.

[5] *Về nợ chung:* Không có.

Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N về việc xin ly hôn; xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về nuôi con: Giao 01 con chung của chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn T là Bùi Trà M, sinh ngày 21/11/2020 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N chưa yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000550 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc; chị Bùi Thị N đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhân

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- UBND xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình
(Nơi đăng ký kết hôn ngày 13/10/2020)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(*đã ký tên, đóng dấu*)

Hà Thị Yến

